

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1266 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 23 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực biển và hải đảo; danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi, kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, địa chất và khoáng sản, thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 45/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số 44/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: Số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 05/12/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 778/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025 về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính

lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 119/TTr-SNNMT ngày 21/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực biển và hải đảo; danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi, kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, địa chất và khoáng sản, thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; đối với lĩnh vực biển và hải đảo quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/5/2025.

Thay thế toàn bộ hoặc một phần các Quyết định sau của Ủy ban nhân dân thành phố:

1. Thay thế toàn bộ ý V, mục A - Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố tại Quyết định số 3249/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

2. Thay thế từ số thứ tự 01 - 21 ý I, toàn bộ ý II, IV mục A - Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố; thay thế toàn bộ ý III, số thứ tự 5, 6 ý IV, mục B - Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thay thế toàn bộ ý I, II mục C - Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện; thay thế từ số thứ tự 01 - 03 ý II, mục D - Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã; toàn bộ ý I, mục E - Danh mục thủ tục hành chính không thực hiện tại bộ phận một cửa tại Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

3. Thay thế toàn bộ ý I, mục 1, phần I - Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thay thế toàn bộ ý I, mục 1, phần II - Danh mục tại Quyết định số 3394/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về

việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, đính chính lĩnh vực khoáng sản, tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

4. Thay thế toàn bộ mục B - Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 3725/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

5. Thay thế Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực biển và hải đảo trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

6. Thay thế toàn bộ mục I, II, phần A - Thủ tục hành chính cấp tỉnh; thay thế toàn bộ phần B - Thủ tục hành chính cấp huyện tại Quyết định số 1436/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản, thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

7. Thay thế Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 17/02/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực khoáng sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức xây dựng, hoàn thiện các quy trình nội bộ thực hiện các thủ tục hành chính tại Điều 1; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.//

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP, Bộ NN&MT;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- TTTU, TT HENDTP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- TT BC&TT TP, CĐ ANHP;
- Các Phòng: KSTTHC, NNTN&MT;
- Công TT&TTP;
- Lưu: VT, KSTTHC5.0

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO; DANH MỤC
CHUẨN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY LỢI, KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN, ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN, THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG
NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (97 THỦ TỤC)
(Kèm theo Quyết định số: 1266 /QĐ-UBND ngày 23 / 4 /2025 của Chủ tịch UBND thành phố)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (58 THỦ TỤC)									
I	LĨNH VỰC THỦY LỢI (19 THỦ TỤC)									
1	1.003232	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước	30 ngày làm việc	Chi cục Quản lý tài nguyên nước và PCTT	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi năm 2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
2	1.003221	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi	15 ngày làm việc	Chi cục Quản lý tài nguyên nước và PCTT	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi năm 2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
3	1.003211	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công	20 ngày làm việc	Chi cục Quản lý tài nguyên nước và PCTT	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi năm 2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
4	1.003203	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp	20 ngày làm việc	Chi cục Quản lý tài nguyên nước và PCTT	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi năm 2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
5	1.003188	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước	25 ngày làm việc	Chi cục Quản lý tài nguyên nước và PCTT	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi năm 2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
6	1.003921	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	03 ngày làm việc	Chi cục Quản lý tài nguyên nước và PCTT	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi năm 2017; - Các Nghị định: số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
7	1.003893	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	03 ngày làm việc	Chi cục Quản lý tài nguyên nước và PCTT	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi năm 2017; - Các Nghị định: số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
8	1.003867	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND thành phố quản lý	30 ngày làm việc	Chi cục Quản lý tài nguyên nước và PCTT	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi năm 2017; - Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
9	2.001804	Phê duyệt, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND thành phố quản lý.	30 ngày làm việc	Chi cục Quản lý tài nguyên nước và PCTT	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi năm 2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
10	2.001791	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	15 ngày làm việc	Chi cục Quản lý tài nguyên nước và PCTT	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi năm 2017; - Các Nghị định: số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
11	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	15 ngày làm việc	Chi cục Quản lý tài nguyên nước và PCTT	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi năm 2017; - Các Nghị định: số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
12	1.003870	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	10 ngày làm việc	Chi cục Quản lý tài nguyên nước và PCTT	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi năm 2017; - Các Nghị định: số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
13	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	15 ngày làm việc	Chi cục Quản lý tài nguyên nước và PCTT	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi năm 2017; - Các Nghị định: số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
14	1.003880	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	10 ngày làm việc	Chi cục Quản lý tài nguyên nước và PCTT	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi năm 2017; - Các Nghị định: số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
15	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	25 ngày làm việc	Chi cục Quản lý tài nguyên nước và PCTT	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi năm 2017; - Các Nghị định: số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
16	2.001793	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND tỉnh	07 ngày làm việc	Chi cục Quản lý tài nguyên nước và PCTT	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi năm 2017; - Các Nghị định: số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
17	1.004385	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	10 ngày làm việc	Chi cục Quản lý tài nguyên nước và PCTT	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi năm 2017; - Các Nghị định: số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
18	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: xây dựng công trình mới; lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu; khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	15 ngày làm việc	Chi cục Quản lý tài nguyên nước và PCTT	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi năm 2017; - Các Nghị định: số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
19	2.001401	Cấp gia hạn điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: trồng cây lâu năm; hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	05 ngày làm việc	Chi cục Quản lý tài nguyên nước và PCTT	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi năm 2017; - Các Nghị định: số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
II LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO (10 THỦ TỤC)										
1	1.005401	Giao khu vực biển	57 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; - Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025.	
2	1.009481	Công nhận khu vực biển	22 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; - Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
3	1.004935	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển	42 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; - Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025.	
4	1.005400	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển	42 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; - Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025.	
5	1.005399	Trả lại khu vực biển	32 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; - Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
6	1.005189	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển	73 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Tài nguyên, môi trường, biển và hải đảo; - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025.	
7	2.000472	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	59 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Tài nguyên, môi trường, biển và hải đảo; - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025.	
8	2.000444	Cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển	29 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Tài nguyên, môi trường, biển và hải đảo; - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
9	1.000942	Trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển	59 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Tài nguyên, môi trường, biển và hải đảo; - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025.	
10	1.000969	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	44 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Tài nguyên, môi trường, biển và hải đảo; - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025.	
III LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (04 THỦ TỤC)										
1	1.003695	Công nhận làng nghề	30 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018; - Quyết định số 778/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025.	
2	1.003712	Công nhận nghề truyền thống	30 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018; - Quyết định số 778/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
1.2		Đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản	40 ngày làm việc						10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
1.3		Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án xây dựng công trình	57 ngày làm việc							
2	1.004367	Đóng cửa mỏ khoáng sản	78 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Các Nghị định: số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023, số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; - Các Thông tư: số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
3	2.001781	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	33 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Các Nghị định: số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Các Thông tư: số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Thực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
4	1.004343	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	18 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Các Nghị định: số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023, số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; - Các Thông tư: số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
5	2.001777	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	21 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Các Nghị định: số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023, số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
6	1.000778	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	87 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Các Nghị định: số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016, số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018, số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023, số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; - Các Thông tư: số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
7	2.001814	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	45 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Các Nghị định: số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016, số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Các Thông tư: số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/1/2016, số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
8	1.004481	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	45 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Các Nghị định: số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023, số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; - Các Thông tư: số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/1/2016, số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
9	2.001787	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	184 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Các Nghị định: số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Các Thông tư: số 44/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016, số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
10	1.005408	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	45 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Các Nghị định: số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023, số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; - Các Thông tư: số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/1/2/2016, số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
11	1.004345	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	45 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Các Nghị định: số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023, số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; - Các Thông tư: số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
12	2.001783	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	45 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Các Nghị định: số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023, số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; - Các Thông tư: số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
13	1.004135	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	45 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Các Nghị định: số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023, số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
14	1.004083	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	10 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Các Nghị định: số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
15	1.004434	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	29 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; - Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; - Các Nghị định: số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012; số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; - Các Thông tư: số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014, số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
16	1.004433	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	29 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Các Nghị định: số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012; số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
17	1.004132	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	47 ngày	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Các Nghị định: số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016, 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025; - Các Thông tư số: số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016, số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
20	1.013323	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định				- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Các Nghị định số: 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
20.1		Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản	23 ngày làm việc							
20.2		Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản	13 ngày làm việc							

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
21	1.013324	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	28 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Các Nghị định số: 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
V LĨNH VỰC THỦY SẢN (04 THỦ TỤC)										
1	1.004923	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	63 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
2	1.004921	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)		Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
2.1		Trường hợp thay đổi tên	07 ngày làm việc							
2.2		Trường hợp sửa đổi, bổ sung	63 ngày làm việc							
3	1.004694	Công bố mở cảng cá loại 2	06 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Các Nghị định: số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022; số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024; - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
4	1.004056	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	19 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Các Nghị định: Số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014; số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018; - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (22 THỦ TỤC)									
I	LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (02 THỦ TỤC)									
1	1.003524	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	01 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định: Số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008; số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018; - Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018; - Quyết định số 778/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
2	1.003486	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định: Số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018; số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018. - Các Thông tư: số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018, số 08/2021/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2021; - Quyết định số 778/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025.	
2.1		Đối với phương thức kiểm tra chặt	07 ngày làm việc							
2.2		Đối với phương thức kiểm tra thường	03 ngày làm việc							
II LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN (02 THỦ TỤC)										
1	1.013326	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	09 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Các Nghị định: số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
2	1.013325	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	17 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Các Nghị định: số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
III	LĨNH VỰC THỦY SẢN (18 THỦ TỤC)									
1	1.004344	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	03 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Các Nghị định: số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022; số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024; - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
2	1.004697	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	10 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Các Nghị định: số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022; số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024; - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
3	1.004918	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)		Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Các Nghị định: số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022; số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024; - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
3.1		Trường hợp cấp mới	13 ngày làm việc							
3.2		Trường hợp cấp lại	03 ngày làm việc							

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
4	1.004915	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)		Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y	5.700.000 đ/lần		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Các Nghị định: số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022; số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024; - Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15/12/2021; - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
4.1		Trường hợp cấp mới	10 ngày làm việc							
4.2		Trường hợp cấp lại	03 ngày làm việc							
5	1.004684	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)		Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Các Nghị định: số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022; số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024; - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
5.1		Trường hợp cấp mới	45 ngày							
5.2		Trường hợp cấp lại	15 ngày							

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
6	1.004913	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	10 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Các Nghị định: số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022; số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024; - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
7	1.004680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	07 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
8	1.004656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên		Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
8.1		Xác nhận nguồn gốc	03 ngày làm việc							
8.2		Xác nhận mẫu vật	07 ngày làm việc							
9	1.003650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Các Thông tư số: 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018; số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022; 06/2024/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2024; - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
10	1.003634	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Các Thông tư số: 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018; số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022; - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
11	1.003586	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	03 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Các Thông tư số: 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018; số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022; - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
12	1.003681	Xóa đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Các Thông tư số: 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018; số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022; - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
13	1.004359	Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản		Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y			Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Các Nghị định: số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022; số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024; - Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018; - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
13.1		Trường hợp cấp mới	06 ngày làm việc		40.000đ/lần					

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
13.2		Trường hợp cấp lại	03 ngày làm việc		20.000đ/lần					
14	1.003666	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	02 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Các Thông tư số: 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018; số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022; - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
15	1.003563	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	03 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y	Thông tư số 94/2021 /TT-BTC		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; - Các Thông tư số: 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018; số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021; số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022; - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
16	1.003590	Cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá		Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y	Thông tư số 94/2021 /TT-BTC		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; - Các Thông tư số: 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018; số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021; số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022; - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/20253.	
16.1		Hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu	20 ngày làm việc							
16.2		Hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi	10 ngày làm việc							
17	1.004692	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	07 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Các Nghị định: số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022; số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024; - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
18	1.003593	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	02 ngày	Ban Quản lý cảng cá, bến cá	Thông tư số 118/ 2018/ TT-BTC		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Các Thông tư: số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018; số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018; - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
C THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN (14 THỦ TỤC)										
I LĨNH VỰC THỦY LỢI (05 THỦ TỤC)										
1	2.001627	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh phân cấp	30 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi năm 2017; - Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
2	1.003347	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện	30 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi năm 2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
1	1.009482	Công nhận khu vực biển cấp huyện	22 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; - Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025.	
2	1.009483	Giao khu vực biển cấp huyện	42 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; - Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025.	
3	1.009484	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cấp huyện	42 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; - Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025.	

1	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	03 ngày làm việc (công khai phương án) và 60 ngày (thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu có), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng)	UBND cấp huyện	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
2	1.004498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)		UBND cấp huyện	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019;	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
2.1		Trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng	07 ngày làm việc					kết quả	- Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025	
2.2		TH sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản	03 ngày làm việc							
3	1.004478	Công bố mở cảng loại 3	06 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Các Nghị định: số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022; số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
D	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ (03 THỦ TỤC)									
I	LĨNH VỰC THỦY LỢI (03 THỦ TỤC)									

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
1	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (<i>đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện</i>)	07 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi năm 2017; - Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018. - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
2	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	20 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi năm 2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	
3	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	20 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi năm 2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025.	